

INTAKE FORM
MẪU DƠN VỀ LÝ LỊCH

APPLICANT FOR ORDERLY DEPARTURE PROGRAM:

NAME (TÊN) : HUYNH CONG THANH
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 05 01 1936
(NĂM, NƠI SINH ĐẺ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : ☒ Female (Nữ) : ☐
MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : ☐ Married (có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình)
ADDRESS IN VIETNAM : 14 A TRAN PHU STREET, RACH GIA DIST.
(Địa chỉ tại VN) : KIEN GIANG (PROVINCE)
POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) ☒ No (Không) : ☐
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : 5-3-1975 To (Đến) : 12-29-1977
PLACE OF RE-EDUCATION : _____
CAMP (TRẠI TÙ) : _____
PROFESSION (Nghề Nghiệp) : VIET NAM MILITARY (CAPTAIN)
EDUCATION IN U.S. : _____
(DU HỌC TẠI MỸ)
VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp Bậc) : VIETNAM ARMY (CAPTAIN)
VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : _____ Date (Năm) : _____
(Trong chính phủ VN)
APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : _____ IV Number (số hồ sơ) : _____ No (Không) : _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 06
MAILING ADDRESS IN VN : 14 A TRAN PHU STREET, RACH GIA (DIST)
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : KIEN GIANG (PROVINCE)
NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : DINH VAN RI
(Tên, Địa chỉ Thân nhân : _____
hay Người Bảo Trợ)
U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : _____ No (Không) : ☒
RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : BROTHER
NAME AND SIGNATURE : _____
ADDRESS OF INFORMANT : _____
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, BT của người điền đơn này) DINH VAN RI
DATE : _____

10-12-84.

Remanded

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): HUYNH CONG THANH
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
1- VO THI TRAM	1942	WIFE
2- HUYNH THANH HUNG	1968	SON
3- HUYNH DANG KHOA	1973	SON
4- HUYNH THI CAM NHUNG	1974	DAUGHTER
5- HUYNH THI CAM LOAN	1979	DAUGHTER
6- HUYNH THI CAM VAN	1983	DAUGHTER

ADDITIONAL INFORMATION:

Ban chỉ huy

Cộng-Hòa Miền-Nam Việt-Nam
Độc-Lập Dân-Chủ Hòa-Bình Trung-Lập

Số 252/CN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Họ và tên: HUYNH CÔNG-THANH mới: 41

Sinh-quan: xã Ngọc-chức quận Gò-giêng Cần-Liên

Nơi về ngụ: 131 Ngõ Nguyễn Rạch Giá

Nguyên là: Đại úy. trong
quân-đội nguy-quyên Sài gòn.

Đã theo học lớp quân-buôn 9* tháng kể từ ngày 3-5-1975

đến ngày 29-12-1977. Nay anh hoặc chị được về sum-họp
với gia-đình tiếp-tục học tập, lao-động để trở thành người
lâm ăn lương thiện.

Yêu cầu các cơ-quan, Đoàn-thể Cách-Mạng địa-
phương hết sức giúp đỡ anh hoặc chị:
phấn-đấu tốt.

Ngày 29 tháng 12 năm 1977

Nhân-dạng:

Ban chỉ-huy NTT

-Cao: km. 62

Phục vụ tốt

-Dấu vết đặc-biệt:

Vết sẹo trên mắt
phải trái

Đại úy Nguyễn Hoàng Chi

**NHỮNG ĐIỀU QUY-ĐỊNH CHO
NGƯỜI GIỮ GIẤY CHỨNG-NHẬN NÀY.**

- 1- Phải tuân theo luật-lệ, chế-độ quy-định của chính-quyền cách-mạng.
- 2- Phải xuất trình giấy chứng nhận này với cán-bộ cơ-sở.
- 3- Giấy này không thay thế cho giấy thông hành, đi đâu phải xin giấy phép của chính-quyền địa-phương.
- 4- Không được cho người khác mượn giấy chứng nhận này.
Nếu làm mất phải báo-cáo với cơ-quan an-ninh nơi mất và Chính-quyền nơi cấp giấy chứng nhận.
- 5- Khi Ủy-ban nhân-dân cách-mạng báo-gọi thì phải đến đúng hẹn.

BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

— Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính nguy quân và nhân viên nguy quân.

— Nội tình thân học tập cũ của Huỳnh Công Thành nguyên là Đại úy nguy quân, trong thời gian qua đã ra biển ẩn nấp hối cải và có các phát biểu là trở thành người có ích cho đất nước.

— Xét đơn xin bảo lãnh của Võ Văn Thái Đoàn 14A Ngã Quyền Thị xã Phước Giã, Tỉnh Kiên Giang từ nhân sỹ quân nguy quân trên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Cho Huỳnh Công Thành nguyên là Đại úy nguy quân được tạm ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn Huỳnh Công Thành phải hành theo quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là Một năm. Sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Phòng quân huấn Quân khu. Trại quân huấn Nông Trường Sơn và đường sự chiến quyết định thi hành.

Ngày 25 tháng 10 năm 1977

TTQ BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

Tên

— Giấy này không có giá trị di đường.
— Trong thời gian quản chế, việc quy định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần là do chính quyền địa phương xã, phường quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY LÀM THÀNH 4 BẢN

1 — Phòng quân huấn Quân khu lưu.

1 — Trại quân huấn

1 — Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

1 — Đường sự.

2. Closest Relative in Other Foreign Countries.

- a. Name
- b. Relationship
- c. Address

D. Complete Family Listing (Living/Dead)

	Name	Address
1. Father	HUYNH VAN TAN	Deceased.
2. Mother	DO THAI KIEN	-id-
3. Spouse	VO THI TRAM	14A TRAN PHU Street, RACH GIA Dist.
4. Former Spouse (if any)		KIEN GIANG Province.
5. Children		
	1. HUYNH THANH HUNG,	14A TRAN PHU Street,
	2. HUYNH DANG KHOA,	RACH GIA Dist. KIEN GIANG Prov.
	3. HUYNH THI CAM NHUNG,	-id-
	4. HUYNH THI CAM LOAN,	-id-
	5. HUYNH THI CAM VAN,	-id-

6. Siblings

HUYNH THI LAI, Sister,
218 LO D CU XA THANH DA, BINH THANH District,
HOCHIMINH City.

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. organizations of you or your Spouse :

- 1. Name of Person Employed : HUYNH CONG THANH
- 2. Dates : From: 1962 To : 1975

QUESTIONNAIRE FOR OGP APPLICANTSDate : December 14th 1983A. Basic Identification Data

1. Name HUYNH CONG THANH
2. Other Names
3. Date/Place of Birth 05.01.1936 in RACH GIA PROVINCE.
4. Residence Address 11 A, TRAN PHU Street, RACH GIA DIST. KIENGIANG PROV.
5. Referring Address MR. DINH VAN RI
6. Current Occupation NO JOB.

B. Relatives to Accompany Me

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or single (S).

<u>Name</u>	<u>Date of Birth</u>	<u>Place of birth</u>	<u>Sex</u>	<u>MS</u>	<u>Relationship</u>
VO THI TRAM	1942	RACH GIA	F	M	WIFE
HUYNH THANH HUNG	1968	- id -	M	S	Son
HUYNH DANG KHOA	1973	- id -	M	S	Son
HUYNH THI CAM NHUNG	1974	- id -	F	S	daughter
HUYNH THI CAM LOAN	1979	- id -	F	S	daughter.
HUYNH THI CAM VAN	1983	- id -	F	S.	daughter.

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorce decree (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if possible) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

C. Relatives Outside Vietnam1. Closest relative in the U.S.

- a. Name DINH VAN RI
- b. Relationship Brother in law.
- c. Address

C. Training Outside Vietnam of you or your spouse

1. Name of Student/Trainee:

2. School and School Address

3. Dates:

From:

To:

4. Description of Courses:

5. Who paid for training?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No

D. Re-education of You or Your Spouse:

1. Name of Person in Reeducation: HUYNH CONG THANH

2. Total time in Reeducation? 5 years 6 months days

3. Still in Reeducation? Yes No X

(If released, we must have a copy of your release certificate).

1. Any Additional Remarks?

Signature Thanh Date December 14th 1983

J. Please list here all documents attached to this Questionnaire

3. Title of (Last) Position Held

4. Agency/Company/Office

5. Name of (Last) Supervisor

6. Reason for Leaving

7. Training for job in Vietnam

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse

1. Name of Person serving *HUYNH CONG THANH*
2. Dates From: *1962* To: *1975*
3. Last Rank *CAPTAIN*
4. Ministry/Office/Military Unit : *THU DUC ARMY TRAINING INSTITUTE*
5. Name of Supervisor/C.O. *GEN*
6. Reason for leaving *ARRESTED*
7. Names of American Advisor(s)
8. U.S. Training Courses in Vietnam
9. U.S. Awards or Certificates

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available ? Yes _____ No _____)

G. Training Outside Vietnam of you or your spouse

1. Name of Student/Trainee;
2. School and School Address

3. Dates : From : To :

4. Description of Courses :

5. Who paid for training ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available ? Yes No

H. Re-education of You or Your Spouse :

1. Name of Person in Reeducation : HUYNH CONG THANH
2. Total time in reeducation ? 5 years 6 months days
3. Still in Reeducation ? Yes No X

-(If released, we must have a copy of your release certificate).

I. Any Additional Remarks ?

Signature

Thanh Date December 16th 1988

J. Please list here all documents attached to this Questionnaire

3. Title of (Last) Position Held

4. Agency/Company/Office

5. Name of (Last) Supervisor

6. Reason for Leaving

7. Training for job in Vietnam

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse

1. Name of Person serving *HUYNH CONG THANH*
2. Dates *From: 1962 To: 1975*
3. Last Rank *CAPTAIN, M.S. # 361134.477*
4. Ministry/Office/Military Unit: *THU DUC INFANTRY SCHOOL.*
5. Name of Supervisor/C.O. *GEN. PHAM QUOC THUAN.*
6. Reason for Leaving *ARRESTED.*
7. Names of American Advisor(s)
8. U.S. Training Courses in Vietnam *Infantry officer course 13th*
9. U.S. Awards or Certificates

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available ? Yes No)

date: December 14th 1985

A. Basic Identification Data

1. Name HUYNH CONG THANH
2. Other Names
3. Date/Place of birth 1.5.1936 in RACH GIA PROVINCE.
4. Residence Address 14 A TRAN PHU STREET RACH GIA DIST.
KIEN GIANG PROVINCE,
5. Mailing Address
6. Current Occupation NO JOB.

B. Relatives to Accompany Me

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or single (S).

<u>Name</u>	<u>Date of Birth</u>	<u>Place of birth</u>	<u>Sex</u>	<u>MS</u>	<u>Relationship</u>
1. VO THI TRAM	1942		F	M	WIFE
2. HUYNH THANH HUNG	1968		M	S	Son
3. HUYNH DANG KHOA	1973		M	S	Son
4. HUYNH THI CAM NHUNG	1974		F	S	daughter
5. HUYNH THI CAM LOAN	1979		F	S	daughter
6. HUYNH THI CAM VAN	1983		F	S	daughter

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if possible) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section C below.)

C. Relatives Outside Vietnam

1. Closest relative in the U.S.

- a. Name DINH VAN HAI
- b. Relationship BROTHER IN LAW
- c. Address 860 FARMDALE ROAD MOUNT JOY
PA. 17552, U.S.A.

.. Closest Relative in Other Foreign Countries.

- a. Name
- b. Relationship
- c. Address

D. Complete Family Listing (Living/Dead)

	Name	Address
1. Father	HUYNH VAN TAN	Deceased
2. Mother	DO THI KIEN	- id -
3. Spouse	DO THI TRAM	14 A TRAN PHU Street, RACH GIA DIST.
4. Former Spouse (if any)		KIEN GIANG Province.
5. Children		
1.	HUYNH THANH HUNG	- id -
2.	HUYNH DANG KHOA	- id -
3.	HUYNH THI CAM NAUNG	- id -
4.	HUYNH THI CAM LOAN	- id -
5.	HUYNH THI CAM VAN	- id -

E. Siblings

1. HUYNH THI LAI, DOB 1921,
218 LO D CU XA THANH DA, BINH THANH DISTRICT,
HOCHIMINH CITY.

A. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. organizations of you or your Spouse :

1. Name of Person Employed :

2. Dates :

From:

To :